

Số: **180/2021/QĐST-HNGĐ**

Sóc Sơn, ngày 16 tháng 7 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Căn cứ vào các Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2021, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 30/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1956; Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị P:

Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị B đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 244/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn. Trong quá trình giải quyết ly hôn, các đương sự không yêu Tòa án giải

quyết về tài sản chung và công sức. Nay, các đương sự thỏa thuận chia tài sản chung có trong thời kỳ hôn nhân.

2. Về tài sản chung:

Các đương sự thống nhất, tài sản chung của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị B có trong thời kỳ hôn nhân gồm:

- Quyền sử dụng đất ở đo thực tế 484,3m² thuộc thửa số 18, tờ bản đồ 14 thôn X, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trị giá quyền sử dụng đất: 484,3m² x 3.190.000 đồng/m² = 1.544.917.000 đồng.

- Các tài sản trên đất ở gồm:

01 ngôi nhà 3 tầng xây năm 2011, trị giá: 483.772.800 đồng.

01 mái vẩy làm bằng tôn trước nhà 3 tầng làm năm 2012, trị giá: 2.622.560 đồng.

01 sân gạch đỏ trước nhà 3 tầng lát năm 2011, trị giá: 8.036.600 đồng.

01 nhà bán mái lợp mái tôn lạnh làm năm 2011, nền lát gạch đỏ, trị giá: 26.968.095 đồng.

01 nhà bán mái lợp tôn và pro xi măng, tường xây năm 2003 và mái lợp năm 2012, trị giá: 16.901.780 đồng.

01 sân gạch đỏ lối đi vào nhà lát năm 2011, trị giá: 7.081.200 đồng.

01 mái vẩy làm bằng tôn lạnh trên lối đi vào nhà làm năm 2011, trị giá: 1.275.000 đồng.

01 giếng khoan, trị giá: 172.000 đồng.

02 téc nước Tân Á loại 1000 lít, trị giá 520.000 đồng;

02 cây cau ăn quả, trị giá: 300.000 đồng;

04 cây mít chưa cho quả, trị giá: 800.000 đồng;

01 cây sấu, trị giá: 600.000 đồng.

- Quyền sử dụng đất nông nghiệp: Thửa số xxx, số tờ DCx, xứ đồng C, thôn X, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội diện tích 381m² x 108.000 đồng = 41.202.000 đồng.

3. Các đương sự thống nhất, thỏa thuận như sau:

3.1. Ông S được hưởng trị giá tài sản chung: 1.193.949.000 đồng (Làm tròn số), chia bằng hiện vật như sau:

- Ông Nguyễn Văn S được quyền sử dụng diện tích đất 210,3m² thuộc thửa số xx, tờ bản đồ xx thôn X, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội: (Bản đồ địa chính được đo đạc năm 2009), được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,18,13,14,15,16,17 trên sơ đồ thửa đất kèm theo. Có tứ cạnh như sau:

Cạnh phía Đông Bắc giáp với phần đất bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng;

Cạnh phía Tây Nam giáp với đất nhà ông Dương Văn T.

Cạnh phía Tây Bắc giáp với nhà bà Nguyễn Thị N.

Cạnh phía Đông Nam giáp với phần đất làm lối đi chung;

- Ông S được quyền sở hữu các tài sản có trên diện tích đất 210,3m² gồm: 01 ngôi nhà 3 tầng, 01 sân gạch đỏ, 01 mái tôn, 01 nhà bán mái, 01 giếng khoan, 02 téc nước Tân Á, 02 cây cau, 02 cây mít.

3.2. Bà Nguyễn Thị B được hưởng trị giá tài sản chung: 732.818.000 đồng (Làm tròn số), chia bằng hiện vật như sau:

- Bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng 224,3m², thuộc thửa số xx, tờ bản đồ xx thôn Xc, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Bản đồ địa chính được đo đạc năm 2009), được giới hạn bởi các điểm 3,4,5,6,7,8,9,18 trên sơ đồ thửa đất kèm theo. Có tứ cạnh như sau:

Cạnh phía Đông Bắc giáp với đất nhà bà Nguyễn Thị T;

Cạnh phía Tây Nam giáp với đất ông Nguyễn Văn S được quyền sử dụng và phần đất làm lối đi chung;

Cạnh phía Tây Bắc giáp với nhà bà Dương Thị T.

Cạnh phía Đông Nam giáp với phần đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Văn X và phần đất làm lối đi chung;

- Bà B được sở hữu các tài sản có trên diện tích đất 212,3m² gồm: 01 nhà bán mái mái lợp tôn và pro xi măng, 02 cây mít chưa cho quả.

3.3. Trích một phần tài sản là tài sản chung của ông S và bà B làm lối đi chung của ông S và bà B có trị giá 158.543.000 đồng bằng hiện vật là diện tích 49,7m² thuộc thửa số xx, tờ bản đồ xx thôn X, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Bản đồ địa chính được đo đạc năm 2009), được giới hạn bởi các điểm 9,10,11,12,13,18 trên sơ đồ thửa đất kèm theo. Có tứ cạnh như sau:

Cạnh phía Đông Bắc giáp với diện tích đất của bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng và đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Văn X;

Cạnh phía Tây Nam giáp với đất nhà ông Dương Văn T.

Cạnh phía Tây Bắc giáp với diện tích đất của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng;

Cạnh phía Đông Nam giáp với đường nhựa đi Núi Đồi và đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Văn X;

3.4. Các bên không phải thanh toán cho nhau trị giá chênh lệch của tài sản chung có trên đất.

3.5. Về các tài sản trên phần đất làm lối đi chung: 01 mái tôn lạnh, 01 sân gạch đỏ dưới mái tôn lạnh, 01 cây sấu trị giá: 8.956.200 đồng: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(Có hồ sơ thửa đất kèm theo)

3.6. Quyền sử dụng đất nông nghiệp: Thửa số xxx, số tờ DCx, xứ đồng C, thôn X, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 39.770.000 đồng. Do bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn S là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Tiền tạm ứng án phí sơ thẩm: Do bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi và đã được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí nên không phải xử lý khi Tòa án giải quyết vụ án.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Sóc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Duy Khoa